

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

- Ông **Lê Tuấn Kiệt**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Tiểu My** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 276/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn N**, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn K**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 23, đường H, Khóm C, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Văn N trình bày: Ông N xác định Trần Văn K là cháu vợ của ông, ông K cần vốn để kinh doanh cửa nhôm nên ông K có đến hỏi vay tiền, do ông không có tiền nên ông có đến nhà chị ruột của ông là bà Võ Thị T để vay tiền rồi ông cho Kiệp vay lại. Ông cho Kiệp vay 10.000.000 đồng và 2,5 lượng vàng

24k (25 chỉ vàng 24k), khi vay thì có viết biên nhận vào ngày 05/11/2005, biên nhận do ông K viết và ký tên, sau đó đưa cho ông N giữ. Khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bao gồm cả tiền và vàng, thời hạn vay đến ngày 30/11/2005, tuy nhiên đến nay ông K vẫn chưa trả lãi và gốc cho ông.

Ông N khởi kiện yêu cầu ông K trả cho ông N số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng, 2,5 lượng vàng 24k (25 chỉ vàng 24k) và lãi suất tính từ ngày 05/11/2005 đến khi ông K trả xong nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn K trình bày theo đơn yêu cầu ngày 21/11/2022: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, ông K cho rằng ông N là người khởi kiện thì ông N phải chứng minh số tiền và vàng ông N giao cho ông K vào thời gian nào, số lượng là bao nhiêu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K điều vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N đối với ông Trần Văn K về việc yêu cầu trả số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24K. Tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc tính từ ngày 05/11/2005 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm. Đối với yêu cầu tính lãi đối với phần vàng, không có căn cứ chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí giám định ông Trần Văn K phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của các đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Võ Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn K trả số nợ vay gốc là 10.000.000 đồng, 25 chỉ vàng 24K và yêu cầu tính lãi, nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Văn K có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Võ Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24K của nguyên đơn:

Ông Võ Văn N xác định vào ngày 01/8/2005, ông Trần Văn K có nhờ ông N vay số tiền 10.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24K, do ông K với ông N có mối quan hệ thân thích nên ông đã đi vay tiền của người khác về cho ông N vay lại. Ông N đã cho ông K vay số tiền là 10.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24K vào ngày 1.8.2005. Ông K hẹn 45 ngày sau sẽ trả cho ông N, nhưng khi đến hạn ngày 05/11/2005 thì ông K tiếp tục hẹn thêm 45 ngày, ông K có viết biên nhận cho ông N, biên nhận được viết ngày 05/11/2005. Khi vay có thỏa thuận lãi suất 3%, nội dung này có thể hiện trong biên nhận. Đến nay ông K vẫn chưa trả cho ông N khoản vay gốc và lãi.

Ông K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày tại Tòa án. Ông K gửi đến Tòa án đơn yêu cầu ngày 21/11/2022, nội dung đơn ông K xác định đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, ông N là người khởi kiện thì ông N phải chứng minh số tiền và vàng ông N giao cho ông K vào thời gian nào, số lượng là bao nhiêu.

Biên nhận đề ngày 5/11/2005 có nội dung: “ Tôi tên Trần Văn K 37 tuổi và vợ; địa chỉ số 23 đường Hoàng Diệu, xóm 9 phường 1 thị xã Bạc Liêu. Tôi có cây Dượng 7 Nhu hỏi số tiền là: 10.000.000đ; vàng 2 cây rưỡi; vàng 24k, lãi 3 phân hỏi vào ngày 01 tháng 08 năm 2005al tới ngày 30 tháng 11 năm 2005 tôi trả vốn cho dượng 7 Nhu“, phía dưới có chữ ký và đề tên Trần Văn K.

Ngày 21/11/2022, Tòa án đã gửi đến ông K biên nhận đề ngày 5/11/2005, ông K đã nhận và ký tên vào biên bản giao nhận của Tòa án, sau đó ông K không có ý kiến gì đối với biên nhận này.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký đứng tên Trần Văn K trong biên nhận ngày 5/11/2005 mà ông N đã nộp. Mẫu so sánh đó là chữ ký tại đơn yêu cầu ngày 21/12/2022 ông K đã nộp cho Tòa án, Biên bản giao nhận ngày 21/11/2022, người nhận là ông K. Căn cứ kết luận giám định số 54/KL-KTHS ngày 12/5/2023 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Chữ ký mang tên Trần Văn K trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Trần Văn K trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Do đó, có căn cứ xác định ông Trần Văn K có vay của ông N số tiền 10.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24K vào ngày 01/8/2005.

Ông N xác định ông K là người trực tiếp giao dịch với ông, vợ ông K không có liên quan, nên ông N chỉ yêu cầu ông K trả nợ cho, không yêu cầu gì đối với vợ của ông K.

Theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”*

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông N, buộc ông K có trách nhiệm trả số tiền 10.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24K cho ông N.

[5] Đối với tiền lãi: Ông N yêu cầu xem xét giải quyết tiền lãi đối với số tiền và vàng ông K đã vay, mức lãi suất theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 05/11/2005.

Biên nhận đề ngày 5/11/2005 thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng đối với cả tiền và vàng, ngày cho vay là ngày 01/8/2005.

- Lãi suất đối với số tiền vay:

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015:

“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”

Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về lãi suất cho vay:

“Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.”

Xét thấy giao dịch này xảy ra vào năm 2005, trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, quy định về tính lãi của Bộ luật Dân sự năm 2005 có khác so với Bộ luật Dân sự năm 2015, cho nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, phần tính lãi suất sẽ áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

Về lãi suất cơ bản, trong thời gian từ năm 2005 đến nay, mức lãi suất thay đổi nhiều lần trong khoảng từ 7%/năm -14%/năm, mức lãi suất cơ bản áp dụng hiện nay là 9%/năm. Như đã nhận định trên, ông K vay tiền của ông N từ năm 2005 đến nay chưa trả nợ gốc và lãi, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lãi suất cơ bản hiện đang có hiệu lực hiện nay là 9%/năm để tính lãi đối với khoản vay của ông K.

Lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định hiện nay là 9%/năm. Như vậy, lãi suất do các bên thỏa thuận sẽ không được vượt quá: $09\% \times 150\% =$

13,5%/năm và lãi suất cho vay tối đa trung bình một tháng sẽ là: $13,5 : 12 = 1,125\%/tháng$.

Các bên đã thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, là vượt so với quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Cho nên, đối với số tiền vay gốc 10.000.000 đồng, mức lãi suất được chấp nhận là 1,125% mỗi tháng, thành tiền là 112.500 đồng.

Ông N yêu cầu tính lãi từ ngày viết biên nhận ngày 05/11/2005, có căn cứ chấp nhận. Do đó, thời gian tính lãi được chấp nhận là từ ngày 05/11/2005 đến ngày 21/6/2023, là 17 năm 07 tháng 16 ngày.

Như vậy, số tiền lãi ông K phải trả cho ông N đối với số tiền vay 10.000.000 đồng là 23.797.500 đồng.

- Lãi suất đối với số vàng vay:

Tại khoản 5 Mục I Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19-6-1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính "Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản" đã hướng dẫn: *"Trong trường hợp đối tượng hợp đồng vay tài sản là vàng, thì lãi suất chỉ được chấp nhận khi Ngân hàng Nhà nước có quy định ..."*.

Theo tiểu mục 1 mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của TANDTC về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật có giải đáp nội dung *"...khi các bên có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay tài sản là vàng và có lãi suất, thì Tòa án cần xác định lại xem việc giao dịch vay vàng vào thời điểm nào và tại thời điểm đó Ngân hàng Nhà nước có quy định việc cho vay vàng có lãi suất hay không? Nếu tại thời điểm giao dịch vay vàng không có quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay vàng có lãi suất, thì Tòa án không chấp nhận việc tính lãi suất. Nếu tại thời điểm giao dịch vay vàng có quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay vàng có lãi suất, thì Tòa án chấp nhận việc tính lãi suất và mức lãi suất chỉ được tính bằng mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định, không tính lãi suất bằng tiền và cũng không quy vàng ra tiền để tính lãi suất theo số tiền"*.

Năm 1992 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quyết định công bố mức lãi suất cho vay đối với vàng tối đa là 7%/năm. Tuy nhiên từ năm 2000 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hủy bỏ quyết định năm 1992, từ đó đến nay không có văn bản nào quy định về mức lãi suất cho vay vàng. Giao dịch cho vay vàng trong vụ án này diễn ra vào năm 2005, không có văn bản nào quy định về mức lãi suất cho vay vàng.

Do đó, không có căn cứ để tính lãi suất đối với tài sản cho vay là vàng. Cho nên, đối với yêu cầu tính lãi đối với số vàng cho vay của ông N là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Chi phí giám định: Chi phí giám định số tiền 7.100.000 đồng, ông Trần Văn K phải chịu toàn bộ. Ông Võ Văn N đã nộp và chi xong, ông K có trách nhiệm trả lại cho ông N số tiền chi phí giám định.

[7] Về án phí: Xét thấy yêu cầu trả tiền của ông N được chấp nhận một phần, nên ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần được chấp nhận theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí.

Đối với vàng, vào ngày xét xử sơ thẩm 21/6/2023 giá vàng 24K có giá bán ra là 56.200.000 đồng một lượng. Đối với số vàng ông K phải trả cho ông N, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, thành tiền là 140.500.000 đồng, ông K phải chịu án phí có giá ngạch đối với số vàng quy thành tiền này.

Đối với yêu cầu về việc buộc ông K trả tiền lãi đối với tài sản cho vay là vàng của ông N không được Tòa án chấp nhận, ông N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, ông N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, cho nên theo quy định pháp luật ông N được miễn án phí.

[8] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a, b khoản 1 Điều 688; 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N về việc yêu cầu ông Trần Văn K trả nợ vay số tiền 10.000.000 đồng, 25 chỉ vàng 24K và tính tiền lãi đối với số tiền cho vay.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N đối với yêu cầu tính lãi đối với tài sản cho vay là vàng.

2. Buộc ông Trần Văn K có trách nhiệm trả số tiền vay gốc cho ông Võ Văn N là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); 25 (hai mươi lăm) chỉ vàng 24K và số tiền lãi của số tiền vay gốc là 23.797.500 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

3. Chi phí giám định: Ông Trần Văn K phải chịu là 7.100.000 đồng (Bảy triệu một trăm ngàn đồng). Ông Võ Văn N đã nộp và chi xong số tiền 7.100.000 đồng (Bảy triệu một trăm ngàn đồng), nên ông K có trách nhiệm trả lại cho ông N số tiền 7.100.000 đồng (Bảy triệu một trăm ngàn đồng).

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Ông Trần Văn K phải chịu 8.714.875 đồng (tám triệu bảy trăm mười bốn ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Võ Văn N được miễn án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam